

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Bản án số: 109/2020/HS-ST

Ngày: 15-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Ngọc Thắng**

*Thẩm phán:* Ông **Vũ Tất Trình**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Quang Việt**

2. Bà **Hàn Hòa Thuận**

3. Bà **Nguyễn Thị Nở**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bích Liên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/HSST ngày 13 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1809/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với:

**- Các bị cáo:**

1. Họ và tên: **Phan Thị P** ; giới tính: nữ; sinh năm: 1987; tại Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú: thôn H, xã Dương H, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Căn hộ 15.09 - chung cư T An 3, số 1/45 Nguyễn Văn Q, khu phố 5, phường Đông Hưng T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: DJ (chính nhạc); con ông: Phan V và bà Nguyễn Thị M; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không;

**Nhân thân:**

Ngày 04/12/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 106/HS-PT ngày 04/12/2008).

Bị bắt giam từ ngày 19/4/2019 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Huỳnh Trung H** ; giới tính: nam; sinh năm: 1987; tại: Tiền Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; thường trú: 8/11 Phan Thanh G, Phường 3, Thành phố Mỹ T, Tiền Giang; chỗ ở: nhà không số, tổ 25, ấp 6, xã Đông T, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông: Huỳnh Hữu L và bà Trần Thị T; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 08/11/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Trộm cắp tài sản”. (Bản án số 90/HSST ngày 08/11/2003)

- Ngày 15/7/2004, bị Tòa Phúc thẩm, Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội: “Giết người”. (Bản án số 1590/HSPT ngày 15/7/2004)

Bị bắt giam từ ngày 18/4/2019 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Trần Quang T** ; giới tính: nam; sinh năm: 1992; tại Thành phố Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; thường trú: ấp Trường Đ, xã Quới A, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: 242/33 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông: Trần Quang T và bà Nguyễn Thị Mỹ D; có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt giam từ ngày 19/4/2019 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ NLQ1, sinh năm 1992.

Thường trú: 220/1B/6B Bình T, Phường V, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ NLQ2, sinh năm 1986.

Thường trú: 30/12/2 Nguyễn D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Luật sư **Phạm Thị Việt H** – Công ty TNHH Luật Gia N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phan Thị P (có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư **Nguyễn Đặng N** - Công ty luật HD Sài Gòn Việt N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trung H (có mặt tại phiên tòa).

3. Luật sư **Phạm Văn T** - Công ty luật HD Sài Gòn Việt N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trung H (Luật sư có đơn xin vắng mặt và tại phiên tòa bị cáo H đồng ý xét xử vắng mặt luật sư T).

4. Luật sư **Lê Nguyễn Quỳnh Th** - Văn phòng luật sư Quỳnh Th, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo *Trần Quang T* (có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 50 phút ngày 18/4/2019, tại trước nhà số 33- 34 Nguyễn Văn Quá, KP1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Công an Quận 12 kiểm tra bắt quả tang thu giữ trong túi quần của Huỳnh Trung H 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 50,1580g loại Methamphetamine. Huỳnh Trung H khai nhận, số ma túy trên là H mua của Phan Thị P mục đích bán lại cho người nghiện kiếm lời.

Mở rộng điều tra, vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 19/4/2019, Công an Quận 12 đã tiến hành khám xét nơi ở của Phan Thị P tại Căn hộ 15.09 Chung cư T An 3, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, (trong căn hộ này có Phan Thị P và Trần Quang T ), qua khám xét đã phát hiện và thu giữ số ma túy như sau:

- Trong máy giặt ngoài ban công: 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 50,6975g, loại Methamphetamine.

- Trên bàn trong phòng ngủ: 01 gói nylon chứa chất bột màu nâu nhạt, qua giám định là ma túy ở thể rắn khối lượng 93,0858g loại Ketamine

- Trên thùng loa trong phòng khách: 01 viên nén hình tam giác màu xanh, khối lượng 0,3353g, không tìm thấy thành phần ma túy.

- Ngoài đường phía dưới chung cư: 01 túi giấy có 30 túi nylon, 02 bình gas, 01 ĐTDĐ hiệu Iphone bị vỡ nát...do P ném để phi tang.

- Dưới gầm giường: 02 viên nén hình tam giác màu xanh, khối lượng 0,6643g, không tìm thấy thành phần ma túy.

- Trong tủ treo nhà bếp: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, khối lượng 1,4480g, không tìm thấy thành phần ma túy.

Quá trình điều tra, xác định như sau:

Khoảng 13h00' ngày 17/4/2019, do có 01 thanh niên (không rõ lai lịch) đặt mua 05 hộp 10 (khoảng 50g) ma túy đá nên Huỳnh Trung H đến chỗ ở của Phan Thị P tại Căn hộ 15.09 Chung cư T An 3 và đưa cho P 14.000.000đ nhờ P mua giúp ma túy đá để H đem về bán lại kiếm lời. Sau đó, P liên lạc với Nhi đặt mua 24.000.000đ ma túy đá, trong đó có 14.000.000đ là tiền của H và 10.000.000đ là tiền của P .

Đến khoảng 18h ngày 18/4/2019, H quay lại Căn hộ 15.09 Chung cư T An 3 để lấy ma túy thì gặp Trần Quang T ở phòng khách, còn P đang ngủ trong phòng ngủ, lúc này Nhi (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T nói T báo cho P biết là đồ (ma túy) P đặt mua đã có và kêu P đến khu vực trước nhà số 440 Cộng

Hòa, quận Tân Bình để nhận. H biết P mua ma túy của Nhi và biết “đồ” là ma túy mà H đã đặt mua của P nên H nói với T là để H đi lấy và T đồng ý rồi cung cấp địa chỉ, số điện thoại của Nhi cho H. Huỳnh Trung H điều khiển xe máy Biển số 63C1-005.91 đến điểm hẹn gặp Nhi và nhận 01 túi nylon bên trong có chứa 02 ma túy. Sau khi nhận ma túy thì H đem về đưa lại cho P và P đã đưa lại cho H 01 gói ma túy tương đương số tiền 14.000.000đ, gói ma túy còn lại thì P phân chia thành 03 gói (02 gói nhỏ và 01 gói lớn) rồi P cất trong phòng ngủ.

Về phía H sau khi nhận ma túy từ P thì H cất ma túy vào túi quần để giao cho khách và bị phát hiện bắt giữ vào lúc 20 giờ 50 phút ngày 18/4/2019, tại trước nhà số 33- 34 Nguyễn Văn Quá, KP1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 như đã nêu ở trên. Tiếp sau đó, đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 19/4/2019, khi P và Trần Quang T đang ở trong căn hộ thì Công an đến kiểm tra nên P đã lấy 03 gói ma túy (mua của Nhi) giấu vào máy giặt ở ban công, còn các đồ vật liên quan thì vứt xuống đường để phi tang.

Đối với Trần Quang T quen biết với Phan Thị P từ cuối năm 2018, đến đầu tháng 3/2019 thì T đến chỗ ở của P tại Căn hộ 15.09 Chung cư T An 3 để giúp P dọn dẹp nhà cửa. Trong thời gian này, T biết P mua bán ma túy và đã đi giao ma túy theo chỉ đạo của P 03 lần cụ thể: Lần thứ 01: Ngày 01/4/2019, T giao 01 gói ma túy đá giá 600.000đ cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) trên Đường Sư Vạn Hạnh, Quận 10 và được P trả công 200.000đ. Lần thứ 02: Ngày 07/4/2019, T giao 01 gói ma túy đá giá 600.000đ cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực gần Chung cư T An 3 và được P trả công 200.000đ. Lần thứ 03: Ngày 09/4/2019, T giao 01 gói ma túy đá giá 1.200.000đ cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) trên Đường Nguyễn Trãi, Quận 5 và được P trả công 400.000đ. Cả 03 lần này thì T đều không biết rõ khối lượng ma túy là bao nhiêu.

Ngoài 03 lần T đi giao ma túy cho P nêu trên thì vào khoảng 18 giờ ngày 18/4/2019, H đến căn hộ 115.9 chung cư An T 3 gặp P nhưng P đang ngủ trong phòng và khi đó có đối tượng tên Nhi (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T nhờ T nói với P là đồ P đặt mua (tức ma túy đá) đã có và kêu P đến trước số 440 Cộng Hòa, quận Tân Bình để lấy. Lúc này, H nói để H đi lấy đồ thì T đồng ý rồi cung cấp địa chỉ, số điện thoại của Nhi. Sau khi lấy đồ (ma túy) xong, H đem về đưa lại cho P. Tiếp sau đó, đến khoảng 00h10' ngày 19/4/2019, khi P và Trần Quang T đang ở căn hộ thì Công an đến kiểm tra căn hộ nên P đã lấy 03 gói ma túy (mua của Nhi) giấu vào máy giặt ở ban công, còn các đồ vật liên quan thì vứt xuống đường để phi tang.

Cáo trạng số 59/CT-VKS-P1 ngày 12/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan Thị P, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h Khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự. Và truy tố các bị cáo Huỳnh Trung H, Trần Quang T, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo P và H thừa nhận hành vi như cáo trạng đã thể hiện. Riêng đối

với bị cáo T cho rằng Viện Kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng nhưng bị cáo không đồng ý với khối lượng ma túy mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, vì bị cáo không biết “đồ” mà Nhi giao là ma túy và không biết khối lượng ma túy là bao nhiêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo với mức án như sau:

1. Phan Thị P : 20 năm tù và xử phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng.
2. Huỳnh Trung H : từ 19 năm tù đến 20 năm tù và xử phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng.
3. Trần Quang T từ 16 năm tù đến 18 năm tù và xử phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Phạm Thị Việt Hà bào chữa cho bị cáo Phan Thị P thống nhất với điều, khoản truy tố bị cáo P nhưng không đồng ý với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tại phiên tòa. Luật sư cho rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo P . Ngoài ra, căn cứ vào Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì với khối lượng ma túy và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử có thể áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị.

Luật sư Nguyễn Đăng Nhân bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trung H cho rằng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 là không có căn cứ. Bởi lẽ, quá trình điều tra, truy tố có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng của vụ án, cụ thể:

- Các bị cáo bị truy tố về tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” với khung hình phạt từ 20 năm, chung thân, tử hình nhưng không thực hiện thủ tục chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sau khi Viện Kiểm sát có công văn yêu cầu thì mới khắc phục vấn đề này.

- Trong biên bản ghi lời khai của các bị cáo thể hiện các điều tra viên lấy lời khai không phải là những người được phân công trong Quyết định phân công của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong biên bản mở niêm phong ma túy để giám định thì đã ghi rõ khối lượng ma túy nhưng trong khi đó kết luận giám định chưa có là không chính xác, thể hiện có việc làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung nhằm đảm bảo tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi bào chữa cho bị cáo Trần Quang T. thống nhất với điều khoản truy tố đối với bị cáo T. nhưng không đồng ý với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tại phiên tòa. Luật sư cho rằng, bị cáo T. phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò giúp sức ở mức độ hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, tại phiên tòa bị cáo thể hiện T. độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Ngoài ra, luật sư Thi cho rằng về tố tụng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khắc phục những thiếu sót đó nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, không cần phải trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: đối với thủ tục chỉ định người bào chữa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, đối với việc ghi lời khai của các đối tượng bị tạm giữ trước khi có quyết định phân công là hoạt động xác minh tình tiết liên quan đến người thực hiện tội phạm và sau đó cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phân công điều tra viên điều tra vụ án theo đúng quy định pháp luật. Đối với ma túy khi thu giữ thì sẽ kiểm tra nhanh để xác định sơ bộ về chất và khối lượng, nhưng sau đó sẽ trưng cầu giám định và kết quả của việc trưng cầu giám định này là cơ sở để buộc các bị can phải chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, toàn bộ ý kiến của luật sư Nguyễn Đăng Nhân là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát cho rằng cơ quan cảnh sát điều tra đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng thì luật sư Nhân không có ý kiến gì thêm.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người bào chữa là hợp pháp.

[2] Căn cứ theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét và thu giữ vật chứng; lời khai của các bị cáo; các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17/4/2019, do có 01 thanh niên (không rõ lai lịch) đặt mua 05 hộp 10 (khoảng 50g) ma túy đá nên Huỳnh Trung H đến chỗ ở của Phan Thị P tại Căn hộ 15.09 Chung cư T An 3 và đưa cho P 14.000.000đ nhờ P mua giúp ma túy đá để H đem về bán lại kiếm lời. Sau đó, P liên lạc với Nhi (không rõ lai lịch) đặt mua 24.000.000đ ma túy đá, trong đó có 14.000.000đ là tiền của H và 10.000.000đ là tiền của P.

Đến khoảng 18h ngày 18/4/2019, H quay lại Căn hộ 15.09 Chung cư T An 3 để lấy ma túy thì gặp Trần Quang T ở phòng khách, còn P đang ngủ trong phòng ngủ, lúc này Nhi (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T nói T báo cho P biết là đồ (ma túy) P đặt mua đã có và kêu P đến khu vực trước nhà số 440 Cộng Hòa, quận Tân Bình để nhận. H biết P mua ma túy của Nhi và biết “đồ” là ma túy mà H đã đặt mua của P nên H nói với T là để H đi lấy và T đồng ý rồi cung cấp địa chỉ, số điện thoại của Nhi cho H. Huỳnh Trung H điều khiển xe máy Biển số 63C1-005.91 đến điểm hẹn gặp Nhi và nhận 01 túi nylon bên trong có chứa 02 gói ma túy. Sau khi nhận ma túy thì H đem về đưa lại cho P và P đã đưa lại cho H 01 gói ma túy tương đương số tiền 14.000.000đ, gói ma túy còn lại thì P phân chia thành 03 gói (02 gói nhỏ và 01 gói lớn) rồi P cất trong phòng ngủ.

Về phía H sau khi nhận ma túy từ P thì H cất ma túy vào túi quần để giao cho khách và bị phát hiện bắt giữ vào lúc 20h50 phút ngày 18/4/2019, tại trước nhà số 33- 34 Nguyễn Văn Quá, KP1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, qua giám định có khối lượng 50,1580g loại Methamphetamine. Tiếp sau đó, đến khoảng 00h10’ ngày 19/4/2019, khi P và Trần Quang T đang ở căn hộ thì Công an đến kiểm tra bắt quả tang P đang cất giữ 03 gói ma túy, qua giám định khối lượng 50,6975g, loại Methamphetamine và 93,0858g loại Ketamine.

Với các hành vi như đã nêu ở trên thì hoàn toàn có cơ sở kết luận: các bị cáo Phan Thị P, Huỳnh Trung H và Trần Quang T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Đối với bị cáo Phan Thị P, là người đã đặt mua ma túy của đối tượng tên Nhi (không rõ lai lịch) để bán lại cho người khác, trong đó có việc đặt mua giùm ma túy cho bị cáo H với khối lượng 50,1580g loại Methamphetamine. Và thu giữ tại nhà của P khối lượng 50,6975g, loại Methamphetamine; 93,0858g loại Ketamine. Như vậy, tổng cộng khối lượng ma túy bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự là 100,8555g loại Methamphetamine và 93,0858g loại Ketamine nên Phan Thị P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Huỳnh Trung H : đã có hành vi trực tiếp mua bán với khối lượng 50,1580g loại Methamphetamine và có hành vi giúp sức cho bị cáo P trong việc đi nhận 50,6975g loại Methamphetamine từ đối tượng tên Nhi. Như vậy, tổng cộng khối lượng ma túy bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự là 100,8555g Methamphetamine, nên Huỳnh Trung H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Như khi lượng hình vẫn áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Đối với bị cáo Trần Quang T : đã có hành vi nhận điện thoại từ đối tượng tên Nhi, cung cấp số điện thoại, địa chỉ của Nhi để H đi nhận ma túy về giao lại cho P và khi công an vào khám xét căn hộ của P thì T đã phi tang các dụng cụ sử dụng ma túy. Thực tế, tổng số ma túy mà H đã nhận từ Nhi là 100,8555g loại Methamphetamine. Do đó, T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo P theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước. Các bị cáo biết rõ ma túy không những hủy hoại sức khỏe của chính người sử dụng, mà còn là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như đã phân tích ở trên. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo P , H đều khai báo thành khẩn; có T độ ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho các bị cáo. Ngoài ra, đối với bị cáo H đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo T có nhân thân tốt, quá trình điều tra ban đầu bị cáo nhận tội nhưng sau khi thay đổi khung hình phạt thì bị cáo thay đổi lời khai theo hướng không thừa nhận khối lượng ma túy phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy vậy, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã nhận tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và các lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra thì cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng



thời khi lượng hình cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Do T và H có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên và phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giúp sức nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 đối với hai bị cáo này.

Với hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo như đã nêu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội tương ứng với từng bị cáo.

[4] Ngoài hình phạt chính thì Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Đối với Ngô Ngọc Tuấn và Nguyễn Trần Ngọc Trinh quá trình điều tra xác định hành vi của Tuấn và Trinh không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển về địa phương xử lý hành chính theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đối với các đối tượng tên Nhi, Minh, Tuấn do P khai không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[7] Xử lý vật chứng:

- 03 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 937/19 (gói 1-2-3) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình Hải (PC09) và Điều tra viên Bành Trọng Hữu (PC04); 01 cân tiểu ly, 02 bình gas, 01 túi vải màu đỏ, 01 hộp nhựa màu nâu đỏ, 01 hộp giấy màu nâu đỏ, 01 túi giấy, 04 quả thủy tinh, 01 kéo bằng kim loại, 01 đoạn ống nhựa cắt xéo một đầu, 60 túi nylon. Xét thấy, đây là vật cầm lưu hành, vật không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 04 điện thoại di động, bao gồm: 01 cái iphone màu bạc bị vỡ nát, imei: 354408063774357; 01 cái galaxy, số imei: 357568/06/309828/4; 01 cái Samsung màu trắng, số imei 1: 355324/06/037180/9, số imei 2: 355325/06/037180/6 (màn bể); 01 cái Nokia màu đen, số imei: 354185104351011; Xét thấy, điện thoại của các bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy, là công cụ phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 cái Nokia màu đen, số imei: 356339/05/756455/3; 150.000 đồng và 01 máy tính xách tay hiệu Dell thu giữ của ông Ngô Ngọc Tuấn. Do hành vi của Tuấn không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự trong vụ án này nên Cơ quan điều tra đã chuyển địa phương xử lý hành chính đối với Tuấn và các tài sản này không liên quan đến việc mua bán ma túy. Do đó, cần trả lại các tài sản này cho ông Ngô Ngọc Tuấn.

- 01 cái Oppo màu đỏ (kiếng bể) và 1.200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Trần Ngọc Trinh. Do hành vi của Trinh không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm

hình sự trong vụ án này nên Cơ quan điều tra đã chuyển địa phương xử lý hành chính đối với Trinh và các tài sản này không liên quan đến việc mua bán ma túy. Do đó, cần trả lại các tài sản này cho Nguyễn Trần Ngọc Trinh.

- Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo, cụ thể: thu giữ của bị cáo P 1.000.000 đồng; của bị cáo Huỳnh Trung H 150.000 đồng và của bị cáo Trần Quang T : 200.000 đồng. Các bị cáo khai nhận số tiền này có liên quan đến việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe máy Biển số 63C1-005.91, xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu suzuki, loại xe 02 bánh, số loại: raider, Số khung: RLSDL11ANJV115075 và số máy: CGA1515380, do Huỳnh Trung H đứng tên chủ sở hữu. Đây là chiếc xe gắn máy H sử dụng để đi giao nhận ma túy, là công cụ phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí hình sự: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Phan Thị P );

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Huỳnh Trung H );

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Trần Quang T );

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Phan Thị P : 20 (Hai mươi) năm tù**, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2019.

Xử phạt bổ sung: Buộc Phan Thị P phải nộp: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Trung H : 18 (Mười tám) năm tù**, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2019.

Xử phạt bổ sung: Buộc Huỳnh Trung H phải nộp: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước

Xử phạt bị cáo **Trần Quang T : 15 (Mười lăm) năm tù**, về tội: “ “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2019.

Xử phạt bổ sung: Buộc Trần Quang T phải nộp: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 03 (Ba) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 937/19 (gói 1, 2, 3) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình Hải và Điều tra viên Bành Trọng Hữu;

+ 01 cân tiểu ly, 02 bình gas, 01 túi vải màu đỏ, 01 hộp nhựa màu nâu đỏ, 01 hộp giấy màu nâu đỏ, 01 túi giấy, 04 nỏ thủy tinh, 01 kéo bằng kim loại, 01 đoạn ống nhựa cắt xéo một đầu, 60 túi nylon.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

+ 04 điện thoại di động, bao gồm: 01 cái hiệu iphone màu bạc bị vỡ nát, imei: 354408063774357; 01 cái hiệu galaxy, số imei: 357568/06/309828/4; 01 cái hiệu Samsung màu trắng, số imei 1: 355324/06/037180/9, số imei 2: 355325/06/037180/6 (màn bể); 01 cái hiệu Nokia màu đen, số imei: 354185104351011;

+ 01 xe máy Biển số 63C1-005.91, xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu suzuki, loại xe 02 bánh, số loại: raider, Số khung: RLSDL11ANJV115075 và số máy: CGA1515380.

+ Trích số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tiền thu giữ từ Phan Thị P , trong tổng số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm ngàn đồng) đang được tạm giữ trong tài khoản số: 3949. 0905.9775.00000 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2019 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Tp. Hồ Chí Minh) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Trích số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền thu giữ từ Huỳnh Trung H , trong tổng số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm ngàn đồng) đang được tạm giữ trong tài khoản số: 3949. 0905.9775.00000 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2019 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Tp. Hồ Chí Minh) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Trích số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) là tiền thu giữ từ Trần Quang T , trong tổng số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm ngàn đồng) đang

được tạm giữ trong tài khoản số: 3949. 0905.9775.00000 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2019 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Tp. Hồ Chí Minh) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại tài sản cho các cá nhân sau:

+ Trả lại cho ông Ngô Ngọc Tuấn: 01 cái điện thoại Nokia màu đen, số imei: 356339/05/756455/3 và 01 máy tính xách tay hiệu Dell.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Trần Ngọc Trinh: 01 cái điện thoại oppo màu đỏ (kiếng bể).

+ Trích số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) trong tổng số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm ngàn đồng) đang được tạm giữ trong tài khoản số: 3949. 0905.9775.00000 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2019 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Tp. Hồ Chí Minh) để trả lại cho ông Ngô Ngọc Tuấn.

+ Trích số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm ngàn đồng) trong tổng số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm ngàn đồng) đang được tạm giữ trong tài khoản số: 3949. 0905.9775.00000 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01/7/2019 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Tp. Hồ Chí Minh) để trả lại cho bà Nguyễn Trần Ngọc Trinh.

(Tất cả vật chứng nêu trên được liệt kê theo biên bản giao nhận tang tài vật số 85/20 ngày 26/11/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- Người có QL, NVLQ; (2)
- Người bào chữa; (3)
- THAHS; (3)
- P. PC 53 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) (4)

**Ngô Ngọc Thắng**